

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ  
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

- Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: TRUNG TÂM Y TẾ TÂN CHÂU
- Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần
- Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

a. Trung tâm Y tế Tân Châu

| STT | Họ và tên       | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                             | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc) | Vị trí chuyên môn <sup>2</sup>                                        | Ghi chú (Quyết định bổ sung) |
|-----|-----------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Võ Thị Ngọc Mai | 0002389/TNI-CCHN       | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi                                                                     | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                           | Bác sĩ, Giám đốc                                                      |                              |
| 2   | Trần Việt Hùng  | 000376/TNI-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                             | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                           | Bác sĩ, Phó Giám đốc                                                  |                              |
| 3   | Trần Thanh Danh | 000379/TNI-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa                                                                            | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                           | Bác sĩ, Phó Giám đốc                                                  |                              |
| 4   | Huỳnh Văn Nha   | 000900/TNI-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chẩn đoán hình ảnh (X Quang), Siêu âm tổng quát                           | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                           | Bác sĩ, Trưởng khoa Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh                  | 1779/QĐ-SYT<br>2654/QĐ-SYT   |
| 5   | Nguyễn Hồng Hải | 0002655/TNI-CCHN       | Khám, chữa bệnh nội tổng hợp; chuyên khoa xét nghiệm; Siêu âm tổng quát                                  | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                           | Bác sĩ, Phó khoa Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh, Khoa khám bệnh     | 2562/QĐ-SYT<br>2655/QĐ-SYT   |
| 6   | Lê Thanh Dũng   | 0003143/TNI-CCHN       | Kỹ thuật viên, kỹ thuật hình ảnh y học; Thời gian trực tiếp KCB liên tục đến thời điểm cấp CCHN 14 tháng | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                           | Kỹ thuật viên Xquang, Nhân viên Khoa Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh |                              |
| 7   | Trần Thanh Bình | 000164/TNI-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội                                                                     | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                           | Bác sĩ, Trưởng khoa Cấp cứu hồi sức                                   |                              |

|    |                      |                  |                                                                       |                                  |                                                  |  |
|----|----------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|--|
| 8  | Hoàng Ngọc Trường    | 0002938/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Phó Khoa Cấp cứu hồi sức                 |  |
| 9  | Đỗ Danh Phước        | 000572/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa tổng hợp                                | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng khoa Ngoại tổng hợp               |  |
| 10 | Nguyễn Thị Thùy Linh | 3278/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa        | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Nhân viên Khoa Ngoại tổng hợp            |  |
| 11 | Lê Thị Phương        | 000296/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh nội tổng hợp                                     | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng Khoa Khám Bệnh                    |  |
| 12 | Võ Quốc Hiệp         | 0002401/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội                                  | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Nhân viên Khoa Khám Bệnh                 |  |
| 13 | Đào Ngọc Thắng       | 3252/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa        | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Nhân viên Khoa Khám Bệnh                 |  |
| 14 | Trần Ngọc Liễu       | 002973/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa         | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác Sỹ, Nhân viên Khoa Khám Bệnh                 |  |
| 15 | Ngô Thị Vân          | 3253/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa không dùng thủ thuật chuyên khoa        | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Phó Khoa Khám liên chuyên khoa           |  |
| 16 | Dương Quang Đức      | 000263/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi                                  | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng Khoa nhi                          |  |
| 17 | Võ Thị Ngọc Huyền    | 3246/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa        | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Nhân viên Khoa nhi                       |  |
| 18 | Nguyễn Thị Bích Nga  | 000110/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh nội tổng hợp.                                    | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Phó Khoa Truyền Nhiễm                    |  |
| 19 | Nguyễn Thị Ngọc Lam  | 000080/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                          | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng Khoa Nội tổng hợp                 |  |
| 20 | Võ Văn Trường        | 000378/TNI-CCHN  | Phòng khám YHCT                                                       | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Phó Khoa Y học cổ truyền & PHCN          |  |
| 21 | Đinh Thị Dung        | 3255/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa        | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Nhân viên Khoa Y học cổ truyền & PHCN    |  |
| 22 | Đặng Minh Tú         | 3248/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT                                        | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ YHCT, Nhân viên Khoa Y học cổ truyền & PHCN |  |
| 23 | Trần Thị Thảo Sương  | 3378/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT                                        | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ YHCT, Nhân viên Khoa Y học cổ truyền & PHCN |  |

|    |                    |                  |                                                |                                  |                                                         |  |
|----|--------------------|------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------|--|
| 24 | Cao Đình Quý       | 3704/TNI-CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT                 | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ YHCT, Nhân viên Khoa Y học cổ truyền & PHCN        |  |
| 25 | Phan Ngọc Ánh      | 000901/TNI-CCHN  | Khám chữa bệnh sản, phụ khoa                   | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản          |  |
| 26 | Nguyễn Thị Huệ     | 0001974/TNI-CCHN | Khám thai, quản lý thai và đặt vòng tránh thai | Giờ hành chính và theo lịch trực | Hộ sinh viên, Phó Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản       |  |
| 27 | Bùi Thị Kim        | 0001977/TNI-CCHN | Khám thai, quản lý thai và đặt vòng tránh thai | Giờ hành chính và theo lịch trực | Hộ sinh viên, Phó Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản       |  |
| 28 | Phạm Thị Kim Cương | 0001972/TNI-CCHN | Khám thai, quản lý thai và đặt vòng tránh thai | Giờ hành chính và theo lịch trực | Hộ sinh viên, Nhân viên Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |  |
| 29 | Nguyễn Hồng Phương | 0001970/TNI-CCHN | Khám thai, quản lý thai và đặt vòng tránh thai | Giờ hành chính và theo lịch trực | Hộ sinh viên, Nhân viên Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |  |
| 30 | Bùi Thị Sol        | 0001308/TNI-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                   | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng Khoa ATP và Dinh dưỡng, khoa khám bệnh   |  |
| 31 | Trần Huyền Trần    | 000377/TNI-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh Nội tổng hợp              | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng Phòng Tổ Chức - HCQT                     |  |

**b. Trạm Y tế xã, Thị trấn**

**1. Phòng Khám đa khoa khu vực Tân Đông**

|   |                      |                  |                                                                                                                         |                                  |                      |  |
|---|----------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|--|
| 1 | Phan Thị Khoe        | 0002577/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                            | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Phó Phòng khám |  |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Tuyến | 0002663/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                            | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên      |  |
| 3 | Võ Thị Thu Hiền      | 0002534/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                            | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên      |  |
| 4 | Hồ Mỹ Nhiên          | 3620/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTL.T 10/2015/TTL.T-BYT-BNV ngày 27/5/2015 | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên      |  |

|   |                 |               |                                                                                                                       |                                  |                 |  |
|---|-----------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--|
| 5 | Ngô Thị Thảo Vi | 3745/TNI-CCHN | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
|---|-----------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--|

## 2. Trạm Y tế Suối Dây

|   |               |                  |                                                                                                                                                                                                            |                                  |                 |  |
|---|---------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Đặng Văn Bình | 0002100/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                                                                                                               | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Lâm Hữu Thanh | 003105/TNI-CCHN  | Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y<br>Khám chữa bệnh liên tục đến thời điểm cấp CCHN 15 tháng. | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

## 3. Trạm Y tế Suối Ngô

|   |                   |                  |                                                                                                                                                                          |                                  |                 |  |
|---|-------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Nguyễn Diên Chung | 0001996/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                                                                             | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Cao Hữu Huyền     | 0002705/TNI-CCHN | Tiêm (chích), thay băng, điểm mạch, đo nhiệt độ, huyết áp                                                                                                                | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
| 3 | Nguyễn Hoài Tâm   | 3521/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
| 4 | Diêm Văn Vinh     | 3693/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015                                                    | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

## 4. Trạm Y tế xã Tân Hiệp

|   |                     |                  |                                                                                                                                                                                          |                                  |                 |  |
|---|---------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Nguyễn Thị Mai      | 0001928/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                                                                                             | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Nguyễn Thị Thúy Yên | 3619/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 quy định chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

## 5. Trạm Y tế xã Tân Hòa

|   |              |                  |                              |                                  |                     |  |
|---|--------------|------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------|--|
| 1 | Ngô Thị Châm | 0002383/TNI-CCHN | Khám, chữa bệnh nội tổng hợp | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng trạm |  |
|---|--------------|------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------|--|

6. Trạm Y tế xã Tân Hội

|   |                    |                  |                                                                                                                                                                                          |                                     |                 |  |
|---|--------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Lê Thị Kim Hoa     | 0001926/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                                                                                             | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Nguyễn Thị Biên    | 0001366/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                                                                                             | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
| 3 | Nguyễn Văn Chiến   | 002965/TNI-CCHN  | Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;                                          | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
| 4 | Chu Thị Thanh Hoài | 3522/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 quy định chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

7. Trạm Y tế xã Tân Hưng

|   |                 |                  |                                                                                                                                                                                                                     |                                     |                 |  |
|---|-----------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Trần Quốc Toàn  | 3326/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015TTLT.BYT-BNV ngày 7/10/2015                                                                                                                        | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Lê Hoài Phương  | 3308/TNI-CCHN    | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015                                                                                                                        | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
| 3 | Bùi Thị Gấm     | 0002656/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                                                                                                                        | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
| 4 | Lê Thị Kim Hoa  | 0002403/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                                                                                                                                        | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |
| 5 | Trình Quốc Vinh | 002983/TNI-CCHN  | Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.<br>Thời gian trực tiếp KCB liên tục đến thời điểm cấp CCHN 12 tháng | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

8. Trạm Y tế xã Tân Thành

|   |                      |               |                                                                                               |                                     |                 |  |
|---|----------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Bùi Minh Tuấn        | 2681/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay bằng                                                                  | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | 3331/TNI-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 26/2015TTLT.BYT-BNV ngày 7/10/2015; | Giờ hành chính và<br>theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

|   |                      |                  |                                                                                                                       |                                  |                 |  |
|---|----------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Nguyễn Thị Thành Tâm | 0002349/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng                                                                                          | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Tạ Thanh Sang        | 3632/TNI-CCHN    | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại TTLT 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

#### 10. Trạm Y tế xã Tân Phú

|   |                  |                  |                              |                                  |                     |  |
|---|------------------|------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------|--|
| 1 | Hồ Thị Thanh     | 000211/TNI-CCHN  | Khám, chữa bệnh đa khoa      | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng trạm |  |
| 2 | Đàm Trọng Chung  | 0002741/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên     |  |
| 3 | Nguyễn Thành Nam | 0002729/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên     |  |
| 4 | Phạm Thị Kim Chi | 0002764/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên     |  |

#### 11. Trạm Y tế xã Thạnh Đông

|   |                  |                  |                              |                                  |                 |  |
|---|------------------|------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------|--|
| 1 | Phạm Thị Nghiệp  | 0002651/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm  |  |
| 2 | Lê Thị Hồng Nhân | 0002708/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên |  |

#### 12. Trạm Y tế xã Tân Hà

|   |                       |                  |                              |                                  |                     |  |
|---|-----------------------|------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------|--|
| 1 | Nguyễn Thị Vân        | 000261/TNI-CCHN  | Khám, chữa bệnh nội khoa     | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sỹ, Trưởng trạm |  |
| 2 | Đặng Đình Cường       | 0002678/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Phó trạm      |  |
| 3 | Thái Nguyễn Trung Tín | 0002854/TNI-CCHN | Dịch vụ tiêm chủng thay băng | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sỹ, Nhân viên     |  |

### 5. Danh sách đăng ký người làm việc<sup>3</sup>: Tại Trung tâm Y tế Tân Châu

#### a. Tại Trung tâm Y tế Tân Châu

| STT | Họ và tên              | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc) | Vị trí làm việc <sup>4</sup> |
|-----|------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Bích Phương | Bác sỹ              | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                          | Bác sỹ, Khoa khám Bệnh       |
| 2   | Lê Nguyễn Nguyệt Anh   | Bác sỹ              | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                          | Bác sỹ, Khoa khám Bệnh       |
| 3   | Nguyễn Thị Thanh Hiền  | Bác sỹ              | Giờ hành chính và theo lịch trực                                                          | Bác sỹ, Khoa khám Bệnh       |

|   |                     |        |                                  |                                    |
|---|---------------------|--------|----------------------------------|------------------------------------|
| 4 | Trần Thị Thanh Thủy | Bác sĩ | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sĩ, Khoa Khám liên chuyên khoa |
| 5 | Dương Hoàng Thông   | Bác sĩ | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sĩ, Khoa Ngoại tổng hợp        |
| 6 | Võ Thanh Tú         | Bác sĩ | Giờ hành chính và theo lịch trực | Bác sĩ, Khoa Nội tổng hợp          |

**b. Tại Trạm Y tế xã, Thị Trấn**

**1. Trạm Y tế xã Thạnh Đông**

|   |              |      |                                  |                 |
|---|--------------|------|----------------------------------|-----------------|
| 1 | Phạm Thị Nhỏ | Y sĩ | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên |
|---|--------------|------|----------------------------------|-----------------|

**2. Trạm Y tế xã Suối Dây**

|   |              |      |                                  |                 |
|---|--------------|------|----------------------------------|-----------------|
| 1 | Phạm Thị Hoa | Y sĩ | Giờ hành chính và theo lịch trực | Y sĩ, Nhân viên |
|---|--------------|------|----------------------------------|-----------------|

**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**

  
Trần Thanh Nhân

Tân Châu, ngày 11 tháng 2 năm 2019  
**GIÁM ĐỐC**



  
Võ Thị Ngọc Mai